

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 25 tháng 7 năm 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quang Kim

2. Ông Lương Thanh Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tống Lan Hương - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vi Thị L, sinh năm 1996 (đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh B.

Nơi ở: Thôn H, xã B, huyện L, tỉnh B

*Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh 26/5 1998 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh B

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Vi Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh Đỗ Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên ngày 25/6/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm đầu thì sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn về tư tưởng và cách sống, do anh T thiếu quan tâm đến vợ con, không hỗ trợ về tài chính cho gia đình. Anh T không có nghề ổn định, lại ham chơi, nhiều lần gia đình đã đứng ra trả nợ thay, vợ chồng liên tục xảy ra xích mích. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T chỉ liên lạc với chị để gặp gỡ, nói chuyện với con, không trao đổi gì về việc vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Hai bên gia đình đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, chị không còn T cảm với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đỗ Phương D, sinh 18/6/2018 và Đỗ Trúc N, sinh 03/6/2020. Các con chung đều phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ và đang sống cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Hồ Sơn 1, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Chị đang làm công nhân tại Công ty Siflex có địa chỉ tại khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, thu nhập bình quân khoảng 10 triệu đồng/tháng, thời gian làm việc từ 8 giờ đến 20 giờ hàng ngày, có xe đưa đón từ nhà đến Công ty và ngược lại. Chị đã cho hai con chung đi gửi trẻ, khi chị đi làm có mẹ đẻ giúp chị đưa đón các con đi học. Chị xác định bản thân đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nên đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cả hai con khi vợ chồng ly hôn. Chị không yêu cầu Tòa án giả quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn T đã được nhận Thông báo về việc Thụ lý vụ án, các giấy báo, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không viết bản tự khai, không có văn bản ý kiến về việc khởi kiện của chị Vi Thị L, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

*Tại biên bản làm việc ngày 23/6/2022, chính quyền địa phương nơi anh T, sinh sống cung cấp:* Chị Vi Thị L kết hôn với anh Đỗ Văn T là công dân tổ dân phố S, thị trấn N, huyện V, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị L có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm rõ chỉ biết chị L đã về nhà bố mẹ tại huyện Lục Nam sinh sống được vài tháng nay. Anh T vẫn cư trú ổn định tại địa phương và làm công nhân trong khu công nghiệp tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

*Tại phiên tòa ngày 22/7/2022:* Anh Đỗ Văn T vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án phải hoãn phiên tòa.

*Tại phiên tòa ngày 25/7/2022:* Anh T tiếp tục vắng mặt. Chị Vi Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị Vi Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn T.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Vi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Phương D, sinh 18/6/2018 và Đỗ Trúc N, sinh 03/6/2020

+ Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Chị Vi Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

[2.1] Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn đến Tòa án để viết bản tự khai, đề Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bị đơn cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp.

[2.2] Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn cung cấp (bản gốc giấy chứng nhận kết hôn) xác định: Chị Vi Thị L và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh B ngày 25/6/ 2018, được UBND thị trấn Nénh cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình tham gia tố tụng, chị L trình bày do trong cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tư tưởng và cách sống nên đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ T cảm từ tháng 10/2021. Gia đình hai bên đã hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh T cư trú thì anh T, chị L hiện không chung sống cùng nhau. Tòa án đã nhiều lần báo anh T đến để hòa giải nhưng anh T không đến. Thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T không trao đổi, gặp gỡ để hòa giải vợ chồng đoàn tụ. Chị L xác định không còn T cảm với anh T, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T đã lâm vào T trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có hai con chung hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung của chị L, anh T còn nhỏ, anh T không có ý kiến yêu cầu gì về việc nuôi con chung. Chị L có công việc, có thu nhập, đang ở cùng bố mẹ đẻ, được sự hỗ trợ của bố mẹ trong việc trông nom, đưa đón con. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, để các con có cuộc sống ổn định cần giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn T
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Phương D, sinh 18/6/2018 và Đỗ Trúc N, sinh 03/6/2020. Sau khi ly hôn, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000đ (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên theo biên lai số 0006398 ngày 18/5/2022. Xác nhận chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- CCTHADS huyện Việt Yên;
- UBND thị trấn Nénh, huyện Việt Yên;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Luyện**